

IRAN-NHỮNG TRANG LỊCH SỬ

Cao Văn Liên*

Cộng hoà Hồi giáo Iran ở phía tây nam châu Á, giáp biên Caspin, Thổ Nhĩ Kỳ, Iraq, vịnh Péc-sic, vịnh Oman, biển Arập, Afghanistan, Pakistan. Diện tích 1.648.000km². Dân số Iran khoảng 64.070.000 người, gồm 30 dân tộc, trong đó người Iran chiếm 51%, còn có người Algeria, người Kur, người Arập, người Azerbaijan. 93% dân cư theo Hồi giáo, dòng Shiit. Ngôn ngữ chính là tiếng Iran. Dân cư đô thị chiếm 57%, dân cư nông thôn chiếm 43%. Thủ đô Tehran khoảng 8.000.000 người. Iran là quốc gia giàu có nhờ dầu mỏ và khí đốt. Tổng sản phẩm quốc dân (GDP) là 98.990 triệu USD, GDP tính theo đầu người là 3.716 USD. Đồng Rial là đơn vị tiền tệ của nước Iran.

Iran là một trong những quốc gia nổi tiếng cả trong thời kỳ cổ đại cũng như trong thời kỳ hiện đại. Thời cổ đại, Iran từng là trung tâm của đế quốc Ba Tư. Thời hiện đại Iran nổi tiếng với cuộc cách mạng Hồi giáo năm 1979, với chương trình hạt nhân gây tranh cãi, làm

khó chịu các cường quốc phương Tây. Bài viết này nhằm hệ thống hoá lại chiều dài lịch sử Iran, giúp bạn đọc nắm sơ lược đại cương nhưng rõ ràng lịch sử của quốc gia Trung Đông nổi tiếng này.

I. THỜI KỲ CỔ ĐẠI (THẾ KỲ XXX TCN ĐẾN THẾ KỲ VI)

1. Cuộc thiên di của người Arya

Khoảng 3000 năm TCN, những bộ tộc người thuộc ngữ hệ Ấn - Âu - người Arya còn trong tình trạng công xã thị tộc nguyên thủy sinh sống ở biên giới phía bắc biên Caspi và biển Ural. Các tộc người Arya là những cư dân du mục chăn nuôi gia súc, nay đây mai đó. Khoảng 2000 năm TCN, một bộ phận tộc người Arya di cư về phương nam, đến Ấn Độ. Iran và họ trở thành cư dân của hai quốc gia này. Danh từ Iran cũng xuất phát từ danh từ Arya. Trong số các tộc người di cư mạnh hơn cả là người Medes và người Ba Tư. Họ thờ thần Lửa (Báí hoả giáo). Đây là tôn giáo dân gian thuộc báí vật giáo nhưng Báí hoả giáo có kinh thánh Avesta, họ coi ngọn lửa là tiêu biểu cho sự quang minh, chính đại.

* Phó giáo sư, Tiến sĩ
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Khi thiên di vào Iran, các tộc người Iran vẫn trong tình trạng xã hội nguyên thủy, thị tộc mẫu quyền và sau đó là thị tộc phụ quyền. Cùng với sự phát triển của công cụ sản xuất như cung tên và các công cụ bằng kim loại đồ đồng, đồ sắt thì toàn bộ nền kinh tế của các tộc người Iran cũng thay đổi. Họ đã định cư để sản xuất, xuất hiện các ngành nghề mới như chăn nuôi gia cầm, gia súc, nghề nông nghiệp, nghề thủ công nghiệp. Công cụ sản xuất mới với sự phân công lao động, chuyên môn hoá lao động đã đưa sản xuất phát triển chưa từng thấy, sản phẩm có dư thừa. Đàn ông đóng vai trò chính trong lao động sản xuất dẫn đến họ đóng vai trò điều hành thị tộc. Chế độ thị tộc phụ quyền, phụ hệ thay thế cho chế độ thị tộc mẫu quyền, mẫu hệ. Năng suất lao động cao và chế độ phụ quyền xuất hiện làm cho công xã thị tộc của người Arya dần dần tan vỡ. Từng gia đình riêng rẽ xuất hiện và xã hội xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và trên cơ sở đó xuất hiện giai cấp. Ba yếu tố trên: năng suất lao động cao, sản phẩm dư thừa, xã hội phân hoá giai cấp là tiền đề kinh tế, xã hội cho nhà nước xuất hiện. Nhà nước ra đời còn là nhu cầu bức thiết để quản lý xã hội ngày càng phát triển với những mối quan hệ phức tạp. Nhà nước còn là công cụ kỳ diệu của giai cấp giàu có - giai cấp chủ nô, giúp cho họ dù chỉ là thiểu số trong dân cư nhưng vẫn có thể thống trị, áp bức, bóc lột, đàn áp được đại đa số dân cư, bảo vệ quyền lợi cho giai cấp giàu có. Nhà nước với quân đội trong tay giúp cho giai cấp chủ nô tiến hành chiến tranh thống nhất đất nước hoặc chiến tranh xâm lược mở rộng lãnh thổ quốc gia. Việc này xảy ra vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên trong các tộc người Iran. Đó là xã hội và nhà nước chiếm hữu nô lệ. Trang lịch sử cổ đại Iran bắt đầu như vậy.

2. Vương quốc Medes -thế kỷ VII đến thế kỷ VI TCN

Trong số các bộ tộc người Iran, người Medes là tộc người dựng nước đầu tiên. Năm 612 TCN người Medes đã thành lập một vương quốc ở phía đông sông Tigrơ, lãnh thổ bao gồm toàn bộ cao nguyên Iran, chạy dài đến Armenia ở phía bắc. Vương quốc Medes tồn tại đến thế kỷ VI TCN thì bị đế quốc Ba Tư thôn tính.

3. Đế quốc Ba Tư- kỷ VI và kỷ IV TCN

Trong khi vương quốc của người Medes đang tồn tại thì thế kỷ VI TCN một tộc người Iran khác là người Ba Tư đã lập nên vương quốc Ba Tư. Năm 550 TCN vua Ba Tư là Cyrus II đã thôn tính và sáp nhập Vương quốc Medes vào Ba Tư, vương quốc Medes diệt vong. Nhà nước Ba Tư bắt đầu xâm lược bành trướng, phát triển thành đế quốc Ba Tư. Năm 546 TCN vua Cyrus II chiếm Lydia ở Tiểu Á, đánh chiếm các thành bang Hi Lạp trên biển Địa Trung Hải, chiếm Syria. Năm 538 TCN Ba Tư chiếm vương quốc Babilon- Lưỡng Hà. Đến những năm 30 của thế kỷ VII TCN, Ba Tư đã làm chủ toàn bộ miền Tây Á. Năm 525 TCN con của Cyrus II là Cambyses II kế vị ngay vàng tiếp tục đường lối chiến tranh xâm lược. Ba Tư chiếm Ai Cập. Năm 490 TCN trong cuộc xâm lược vào bán đảo Hi Lạp, toàn bộ bộ binh của quân Ba Tư đã bị người Hi Lạp tiêu diệt ở đèo Maraton. Ba Tư còn bị người Hi Lạp đánh bại trong cuộc xâm lược lần hai năm 480 TCN, phần lớn thủy quân Ba Tư đã bị tiêu diệt ở eo biển Xalamin. Bước tiến của quân đội Ba Tư bị chặn đứng ở Nam Âu.

Tuy vậy dưới thời Darius I đế quốc cổ đại Ba Tư phát triển cực thịnh, lãnh thổ phía đông của đế quốc đến sông Ấn (Ấn Độ), phía tây đến bờ biển Egée, phía bắc đến Aran, Caspi, Hắc Hải, phía nam đến vịnh Ba Tư, Ai Cập. Kinh đô của đế quốc Ba Tư khi đó là SuSa. Đông đô là Persopolis. Darius I chăm lo phát

triển mở mang đường sá giao thông từ thủ đô đi các địa phương thuận tiện cho việc cai trị và vận chuyển của cải thuế má, vận chuyển quân đội thực hiện nhiệm vụ quân sự. Đất nước thống nhất, giao thông thuận tiện đã tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế, văn hoá trong đế quốc phát triển và giao lưu với các quốc gia Tây Á, các quốc gia phương Đông khác.

Thiết chế chính trị của nhà nước Ba Tư cổ đại là nhà nước quân chủ tập quyền chuyên chế.

Thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Hi Lạp thế kỷ V TCN và nhiều lý do khác đã làm cho đế quốc Ba Tư suy yếu vào thế kỷ IV TCN. Năm 330 TCN đế quốc Ba Tư bị Alexanderia, hoàng đế Mazedona xâm lược.

Sau khi đế quốc Alexanderia sụp đổ, xã hội chiếm hữu nô lệ của Ba Tư vẫn được duy trì dưới triều đại Sasanit. Nhà nước Sasanit có lãnh thổ rộng lớn gồm Iran, Luỡng Hà, tây Ấn Độ, Kuzestan. Thế kỷ VII vương quốc Sasanit bị đế quốc Arập tấn công xâm lược. Vương quốc Sasanit sụp đổ, bị sáp nhập vào đế quốc Arập. Chế độ chiếm hữu nô lệ Ba Tư chấm dứt, kết thúc thời kỳ cổ đại, lịch sử Iran bước sang thời kỳ trung đại: Lịch sử xã hội phong kiến.

II. THỜI KỲ TRUNG ĐẠI- XÃ HỘI PHONG KIẾN (THẾ KỲ VII ĐẾN ĐẦU THẾ KỲ XIX)

1. Hình thành chế độ phong kiến

Thế kỷ VII khi vị Thiên sứ Mohammed sáng lập Hồi giáo, từ thờ nhiều thần, thế giới Arập thống nhất thờ thánh Ala, thần tối cao của vũ trụ. Sự thống nhất tôn giáo là một trong những tiền đề quan trọng để thế giới Arập thống nhất đất nước. Arập trở thành một đế quốc phong kiến hùng mạnh, bành trướng xâm lược toàn bộ Trung Đông, Bắc Phi, Trung Á. Những vùng mà đế quốc Ả rập xâm lược và

thiết lập chế độ cai trị thì đều bước vào con đường phong kiến hoá và thay đổi tôn giáo dân gian nguyên thủy để đi theo Hồi giáo.

Sau khi bị sáp nhập vào đế quốc Arập, Iran cũng cai giáo, đi theo Hồi giáo và phong kiến hoá mạnh mẽ về kinh tế cũng như xã hội, văn hoá. Với đạo Hồi người Iran đa số theo phái Shiit.

Thế kỷ XIII, năm 1220 quân Mông Cổ dưới sự chỉ huy của Khulagu (cháu nội Thành Cát Tư Hãn) đã chiếm Iran. Đến năm 1380 Iran lại mất vào tay đế quốc Timur. Sau khi thoát khỏi sự thống trị của Mông Cổ và đế quốc Timur, từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII Iran bước sang giai đoạn xây dựng quốc gia phong kiến độc lập hưng thịnh dưới vương triều Safayid. Sha Ismail(1502-1524) đã dùng bạo lực chiến tranh để thống nhất toàn bộ Iran, sáp nhập Iraq vào Iran, chiến tranh với các Khan của Uzbek ở Khorasan, Astrabad. Ismail ra sức xây dựng một nhà nước quân chủ tập quyền chuyên chế vững mạnh.

Tuy nhiên, chiến tranh và sự bóc lột tàn khốc của nhà nước làm cho đời sống nhân dân, nhất là nông dân vô cùng cực khổ. Mâu thuẫn giữa nông dân với chế độ phong kiến chuyên chế rất gay gắt. Các cuộc khởi nghĩa chống lại chính quyền bùng nổ liên tục. Năm 1569 khởi nghĩa bùng nổ dữ dội ở Ghilian, năm 1571-1573 khởi nghĩa lan rộng ở Tebriz, một trong những thành phố lớn nhất Iran. Các cuộc khởi nghĩa đều bị chính quyền dim trong bể máu và thất bại.

2. Thời kỳ thịnh vượng của chế độ phong kiến Iran (Thế kỷ XVI -đầu thế kỷ XVII)

Thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII chế độ phong kiến Iran dưới vương triều Safvit trở nên thịnh vượng và hùng mạnh nhờ cải cách của Abbas I

(1587-1629). Abbas I lên ngôi năm 17 tuổi. Ông là người kiên nghị, có tầm nhìn xa trông rộng, quyết tâm cai cách để Iran đạt đến hưng thịnh. Để tiến hành cai cách, Abbas I dựa vào tầng lớp phong kiến lớn bao gồm quan lại, giáo sĩ Hồi giáo dòng Shiit, quý tộc Iran và tiểu phong kiến. Các tầng lớp này đều mong muốn xây dựng một nhà nước phong kiến vững mạnh để bảo vệ quyền lợi của họ. Tầng lớp thương nhân và thợ thủ công Iran cũng mong có chính quyền mạnh để bảo vệ họ. Như vậy, muốn cai cách thắng lợi chính quyền phải dựa vào mọi tầng lớp xã hội. Ngoài ra, đất nước còn phải có hoà bình. Abbas I đã đập tan các cuộc đấu tranh giành quyền lực của quý tộc Iran, đập tan các thế lực chống đối. Đối ngoại Abbas I ký hoà ước với Thổ Nhĩ Kỳ, nhường cho Thổ miền đông Georgia, đông Ácmênia, Kurdistan, toàn bộ Azerbaizan và một phần Luristan. Khi đã hoà bình được với Thổ Nhĩ Kỳ và đánh bại các thế lực chống đối, Abbas I quay sang phía đông đánh bại các Khan Uzbek, chiếm Nisapur, Meshkhed, Heratm, Meriv mở rộng lãnh thổ và khuếch trương thế lực.

Đầu tiên Abbas I tiến hành cai cách trong lĩnh vực quân sự. Ông xây dựng quân đội chính qui thường trực hùng mạnh, có sức chiến đấu cao. Quân đội có nhiệm vụ chống nguy cơ xâm lược từ bên ngoài, bên trong chống các thế lực phong kiến địa phương, buộc họ phải phục tùng chính quyền trung ương. Kết quả, Abbas I đã xây dựng được một quân đội hùng mạnh gồm bộ binh, kỵ binh, pháo binh và quân ngự lâm. Quân đội trung ương mạnh đã làm cho thế lực quân sự địa phương của các lãnh chúa, các tông đốc suy yếu, chấm dứt vai trò của họ trong việc quyết định số phận của đất nước.

Sau khi có quân đội hùng mạnh trong tay, để bẹp được các thế lực chống đối trong nước,

Abbas I tiến hành chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ trong hơn 10 năm để giành lại Azerbaijan, Luristan, một phần Kurdistan, đông Ácmênia, đông Georgia. Cuối cùng, Abbas I đã thu tóm được quyền lực vào tay, xây dựng một quốc gia quân chủ tập quyền chuyên chế. Abbas I nắm tất cả quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Quan lại địa phương do nhà vua bổ nhiệm hoặc bãi miễn. Nhà vua là tổng chỉ huy quân đội. Về kinh tế nhà vua là tên địa chủ lớn nhất, chiếm 2/3 ruộng đất của đất nước, có hẳn một bộ máy quan lại riêng để cai quản đất đai của nhà vua. Dưới vua là một Hội đồng nhà nước (Medjilis) gồm các quan đại thần, chỉ có quyền tư vấn. Tuy nhiên, dù quyền lực nhà vua là vô hạn nhưng khi giải quyết những công việc quan trọng của đất nước, Abbas I vẫn phải tính đến những chuẩn mực của pháp luật, của giáo lý và ý kiến của các tầng lớp Hồi giáo đầy quyền uy.

Như trên đã nói ở địa phương có một bộ máy quan lại riêng để cai trị lãnh thổ riêng của nhà vua. Một bộ máy quan lại thuộc chính phủ cai trị 1/3 lãnh thổ còn lại. Kinh đô của triều đình Abbas I là Kazmin. Năm 1598 Abbas I cho dời kinh đô về Ispahan, xây dựng thành một kinh đô tráng lệ, trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá lớn nhất của đế quốc thời bấy giờ. Chính quyền chăm lo phát triển kinh tế cho nên trong vương quốc của Abbas I nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp phát triển.

3. Thời kỳ suy tàn của chế độ phong kiến Iran (Thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XVIII)

Dưới vương triều Abbas I, Iran hưng thịnh nhưng đó không phải là sự phát triển bền vững mà chỉ dựa vào sức mạnh quân sự. Khi sức mạnh quân sự suy yếu thì vương quốc suy yếu.

Hơn nữa các cuộc cải cách của Abbas I không mang lại những thay đổi căn bản cho đời sống nông dân và thợ thủ công. Trái lại, họ còn bị bóc lột nặng nề hơn. Nông dân phải đóng nhiều loại thuế nuôi nhà nước và quân đội. Họ bị phong kiến địa phương nhiều tầng bóc lột. Họ và con em họ phải đi lính chết chóc trong các cuộc chiến tranh, di lao dịch. Chiến tranh đã làm nhiều vùng bị tàn phá nặng nề như vùng Kavkaz, Armenia, Georgia và Azerbaijan. Mâu thuẫn giữa nhân dân và nông dân với nhà nước phong kiến cực kỳ gay gắt, khởi nghĩa đã bùng lên như những đám cháy giữ dội ở vương quốc. Mơ đầu là khởi nghĩa ở Georgia do vua Teimuraz lãnh đạo năm 1615. Năm 1624-1625 khởi nghĩa bùng nổ ở Karabakh và Erevan. Năm 1629 vùng Ghilian nổi dậy chống chính quyền. Chính quyền phong kiến đã chìm các cuộc khởi nghĩa trong biển máu và thất bại nhưng nhà nước phong kiến Iran thực sự lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Các thế lực phong kiến địa phương nổi lên cát cứ chia cắt đất nước, sự thống nhất đất nước bị phá vỡ. Lịch sử hình thành và phát triển của quốc gia Iran cũng như các quốc gia khác, tuân theo qui luật đấu tranh giữa thống nhất và chia cắt. Đó là qui luật mà La Quán Trung trong "Tam quốc diễn nghĩa" đã gọi là "tan và hợp", còn Heghen nhà triết học cổ điển Đức thế kỷ XIX gọi là qui luật "thăng trầm". Iran vào thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX bị chia thành 30 tiểu vương quốc độc lập, có chế độ thu thuế riêng và đồng tiền riêng.

Trong khi chế độ phong kiến Iran lâm vào cuộc khủng hoảng thì sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây làm cho tình hình thêm phức tạp, chế độ phong kiến càng lún sâu vào cuộc khủng hoảng. Bên cạnh sự thối nát tha hoá thì giai cấp phong kiến bấy giờ

càng bất lực trước sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây, đi sâu vào con đường bán nước, phản bội quyền lợi dân tộc. Thời kỳ trung đại trong kinh tế chính trị xã hội và văn hoá của Iran chỉ đơn thuần phong kiến thì khi chủ nghĩa tư bản phương Tây xâm nhập, những nhân tố tư bản chủ nghĩa xuất hiện và ngày càng đậm nét bên cạnh yếu tố phong kiến. Trang lịch sử trung đại của Iran kết thúc, trang lịch sử cận đại bắt đầu.

III. THỜI KỲ CẬN ĐẠI (TỪ ĐẦU THẾ KỶ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX)

Đầu thế kỷ XVIII thương nhân Hà Lan là những người đầu tiên xâm nhập vào Iran, tiếp đó người Pháp đã vào và ký hiệp định buôn bán với Iran. Năm 1800 Anh cũng đạt được một hiệp định về chính trị và thương mại ở vương quốc này. Năm 1807 Iran ký hiệp định mới với Pháp, năm 1809 Iran ký hiệp định sơ bộ và năm 1814 ký "Hiệp ước về một nền hoà bình vĩnh viễn" với Anh. Iran còn phải ký với Nga hiệp ước Gulistan năm 1813, hiệp ước năm 1828 theo đó Iran mất nhiều đất đai cho Nga, biên giới thuộc địa Nga đến tận sông Araks, còn phải bồi thường cho Nga 20 triệu rúp chiến phí. Năm 1841 Iran lại phải ký với Anh và với các nước tư bản châu Âu khác những hiệp ước bất bình đẳng mà trong đó qui định họ được hưởng những quyền lợi ở Iran như nước Nga. Với những hiệp ước bất bình đẳng đó Iran dần dần mất độc lập và bị biến thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến.

Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây gây hậu quả nghiêm trọng đối với nền kinh tế Iran, thủ công nghiệp và nông dân phá sản vì không cạnh tranh được với hàng hoá phương Tây. Nạn tham nhũng hoành hành trong bộ máy nhà nước. Chính quyền phong kiến bất lực trước nạn tham nhũng và không

bảo vệ được đất nước. Toàn thể nhân dân bất mãn và mâu thuẫn gay gắt với chính quyền phong kiến. Vào những năm 70 của thế kỷ XIX, Iran hoàn toàn phụ thuộc vào Anh và Nga. Hai cường quốc Anh và Nga chia nhau chiếm đóng và khai thác Iran. Nga làm chủ miền Bắc, Anh làm chủ miền Nam. Iran phụ thuộc về kinh tế dẫn đến phụ thuộc về chính trị vào Anh- Nga. Iran trở thành thị trường tiêu thụ hàng hoá, cung cấp lao động và nguyên vật liệu rẻ mạt cho Anh -Nga và các nước tư bản châu Âu.

Bộ máy nhà nước phong kiến Iran cũng buộc phải cải tổ. Tại triều đình bây giờ lập thêm các bộ: Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục, Bộ Bưu điện điện báo. Quan lại quân thần Iran bây giờ trang phục theo kiểu châu Âu. Cố vấn Anh- Nga tham gia vào bộ máy nhà nước. Quân đội Iran phụ thuộc vào Nga- Pháp.

Trước đời sống khổ cực và nguy cơ mất nước, phong trào của nhân dân Iran chống phong kiến và thực dân bùng lên mạnh mẽ. Lớn nhất là phong trào Babis. Đây là phong trào của một tôn giáo tôn thờ đấng Cứu thế gọi là Mahdi, đòi xây dựng một xã hội công bằng, tiêu diệt chế độ tư hữu, xây dựng chế độ công hữu. Năm 1850 phong trào bị đàn áp và thất bại.

Sự chuyển biến về kinh tế với những nhân tố tư bản chủ nghĩa đã dẫn đến sự chuyển biến về xã hội, giai cấp tư sản dân tộc Iran ra đời. Tư sản Iran bao gồm thương nhân nhỏ, chủ xưởng thủ công. Đây là giai cấp mới và tiên tiến nhất của xã hội Iran thời kỳ cận đại, là giai cấp sẽ lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ chống đế quốc phong kiến, xây dựng Iran thành một quốc gia tư sản độc lập.

Dưới sự lãnh đạo của tư sản, sự tham gia của nông dân, thợ thủ công và thị dân, năm

1901-1905 cách mạng dân chủ tư sản ở Iran bùng nổ. Nhưng do sự can thiệp của Anh và Nga, cách mạng chỉ thu được những thắng lợi hạn chế, thủ tiêu nền quân chủ chuyên chế, thiết lập nền quân chủ nghị viện, những nhiệm vụ cơ bản của một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ chưa giải quyết được, giai cấp phong kiến vẫn nắm quyền thống trị và kinh tế. Các đế quốc Anh-Nga vẫn giữ vững khu vực ảnh hưởng của chúng: Nga phía Bắc, Anh phía Nam. Quân đội nước ngoài tiếp tục chiếm đóng Iran. Nhà nước phong kiến thành công cụ để Anh-Nga sử dụng bóc lột đàn áp nhân dân hơn nữa.

IV. THỜI KỲ HIỆN ĐẠI (1921-2009)

Trong Đại chiến thế giới thứ nhất (1914-1918) hầu như toàn bộ lãnh thổ Iran bị quân đội nước ngoài chiếm đóng: miền Bắc quân đội Nga, miền Nam quân đội Anh, miền Tây quân đội Đức và Thổ Nhĩ Kỳ. Ca hai bên kẻ thù của nhau, quân Đức và Thổ với bên kia là Anh -Nga đều có mặt tại Iran. Đại chiến thế giới thứ nhất kết thúc với sự thất bại của phe Đức-Thổ-Áo- Hung, sự chiến thắng của phe Anh, Pháp, Mỹ... Năm 1919, 27 nước chiến thắng đã họp Hội nghị tại Versailles (Pháp) để chia nhau thế giới. Một trật tự thế giới mới được thiết lập, trật tự Versailles -Washington đã khiến Iran thành một quốc gia độc lập vào năm 1921, đứng đầu là quốc vương Reza Pahlevi. Nhưng quốc vương Pahlevi ngày càng chịu ảnh hưởng nặng nề vào Đức.

Tháng 9-1939 Đại chiến thế giới thứ II (1939-1945) bùng nổ do ba nước phát xít Đức-Ý-Nhật phát động để làm bá chủ thế giới. Để giữ vững vùng Cận Đông, tháng 8 năm 1941 Liên Xô và Anh buộc chính phủ Iran phải trục xuất kiều dân Đức ra khỏi Iran. Ngày 17-9-

1941 quân đội Liên Xô và quân đội Anh tiến vào Tehran, buộc Iran phải đứng về phe Đồng minh chống phát xít. Tháng 9 năm 1943 Iran tuyên chiến với Đức. Tại Tehran năm 1943 đã có cuộc gặp giữa những người đứng đầu ba cường quốc Liên Xô, Anh, Mỹ: Stalin, Churchill, Roosevel để quyết định những vấn đề quan trọng đi đến kết thúc Đại chiến II mà thắng lợi đã rõ ràng thuộc về phe Đồng minh.

Đại chiến thế giới thứ II kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe phát xít Đức, Ý, Nhật. Năm 1946 quân đội Liên Xô, Anh, Mỹ rút khỏi Iran. Ngày 19-8-1953 Mỹ làm cuộc đảo chính lật đổ chính phủ Mossadegh, thiết lập chế độ độc tài do Sahn Palevi đứng đầu. Ngày 5-8-1954 chính phủ Iran ký hiệp định cho phép "Tô hợp các công ty dầu mỏ" mà Mỹ chiếm phần lớn thị phần được phép khai thác dầu mỏ ở Iran trong 25 năm. Ngày 3-11-1955 Iran tham gia khối Hiệp ước Baghdad. Mỹ viện trợ cho Iran nhiều, chỉ đứng số 2 sau Israel nhưng phần lớn để xây dựng quân đội, mua sắm vũ khí chiếm 80 tỉ USD trong số 100 tỉ USD. Iran đứng hàng thứ 7 về chi phí quân sự, đứng đầu các nước Trung Đông về quân số: 41.3000 người¹. Iran còn là thành viên của khối quân sự CENTO, thành sen đầm khu vực của Mỹ.

Tiến thêm một bước củng cố chế độ độc tài, tháng 5 -1961 Shah giải tán quốc hội khoá XX, nắm toàn bộ quyền lực và tiến hành cải cách ruộng đất, cải cách quân sự và văn hoá. Lịch sử gọi đây là "cuộc cách mạng trắng" nhằm tư bản hoá đất nước, mở đường cho Mỹ xâm nhập mạnh mẽ hơn nữa vào Iran. Cải cách làm cho nông dân mất ruộng đất, phá sản, nông nghiệp đình trệ. Iran phải nhập khẩu tới 60%

lượng thực, công nghiệp phát triển què quặt, mất cân đối, truyền thống văn hoá dân tộc bị phá vỡ. Thu nhập quốc dân tăng nhưng nhân dân không được lợi ích gì, vẫn trong tình trạng nghèo đói. "Cách mạng trắng" đã bản cùng hoá nhân dân lao động. Địa vị kinh tế và chính trị của giới tăng lữ cũng bị xâm phạm. Iran thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Cách mạng Hồi giáo 1979- Cộng hoà Hồi giáo Iran

Chính sách của chế độ Palevi làm cho nhân dân, kể cả giới tăng lữ Hồi giáo chống lại. Từ năm 1963 phong trào đấu tranh chống chính quyền do Giáo chủ Khomeini lãnh đạo bắt đầu lan rộng. Bị chính quyền Palevi đàn áp, Khomeini chạy ra nước ngoài nhưng vẫn lãnh đạo cuộc đấu tranh trong nước. Năm 1978 chính quyền Palevi thiết quân luật trong toàn quốc nhưng vẫn không ngăn cản được làn sóng cách mạng. Từ tháng 1-1979 bãi công, biểu tình của nhân dân và của sinh viên lan rộng trong toàn quốc. Ngày 16-1-1979 vua Palevi chạy ra nước ngoài. Ngày 1-2-1979 giáo chủ Khomeini về nước với sự đón tiếp của 1 triệu nhân dân Tehran. Ngày 12-2-1979 Khomeini tuyên bố thành lập Hội đồng cách mạng do ông đứng đầu ngày. Ngày 1-4-1979 Hội đồng cách mạng tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Hồi giáo Iran.

Hội đồng Cách mạng thực hiện những biện pháp cứng rắn để Iran thoát khỏi phụ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc về kinh tế chính trị. Hội đồng cách mạng mang lại ruộng đất cho nông dân, quốc hữu hoá các ngân hàng, các công ty bao hiểm tư nhân, tài sản của hoàng gia. Về đối ngoại, chính phủ Cộng hoà Hồi giáo Iran cắt đứt quan hệ với Mỹ, đuổi 40.000 cố vấn quân sự Mỹ về nước, đóng cửa các căn cứ quân sự Mỹ trên đất Iran, xoá bỏ các hiệp ước

¹ Nguyễn Thị Thư, Nguyễn Hồng Bích, Nguyễn Văn Sơn. Lịch sử Trung - Cận Đông. NXB Giáo dục. H. 2004. Tr. 302.

bất bình đẳng, trong đó có hiệp ước quân sự với Mỹ. Iran ra khỏi khối quân sự CENTO, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Palestine, cắt đứt quan hệ ngoại giao với chính quyền Sadat (Ai Cập), với Israel, cực lực phản đối thoả thuận David giữa Ai Cập, Mỹ, Israel nhằm giải quyết cuộc xung đột Israel-Palestine.

Cộng hoà Hồi giáo Iran là nhà nước cộng hoà tổng thống. Tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia vừa là người đứng đầu chính phủ. Tổng thống do nhân dân bầu cử, nhiệm kỳ 4 năm. Quốc hội một viện gồm 274 nghị sĩ nắm quyền lập pháp. Toà án tối cao nắm quyền tư pháp. Cơ cấu lãnh thổ Iran đơn nhất gồm 24 tỉnh và khu vực hành chính trực thuộc trung ương. Quốc khánh ngày 1-2-1979.

Cách mạng Iran năm 1979 là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ chống phong kiến và giải phóng dân tộc khỏi chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Cách mạng đã lập nên nhà nước cộng hoà, chấm dứt chế độ quân chủ hàng nghìn năm, mở ra một trang mới trong tiến trình phát triển của lịch sử Iran. Cách mạng đã giáng đòn mạnh vào chiến lược và thế lực của Mỹ ở Trung Đông. Cách mạng Iran có ảnh hưởng mạnh mẽ đến khu vực dưới góc độ đấu tranh giành độc lập dân tộc khỏi bị chi phối bởi các cường quốc, dưới góc độ tôn giáo, đặc biệt là những nước đa số tín đồ Hồi giáo Shiit như Iraq, Bahrain, Kuwait, Lebanon, Saudi Arabia.

Chiến tranh Iran-Iraq (1980-1988). Năm 1980 bùng nổ cuộc chiến tranh Iran và Iraq do tranh chấp biên giới lãnh thổ, do mâu thuẫn giữa hai phái trong Hồi giáo là phái Shiit của Iran và dòng Shiai chiếm thiểu số nhưng nắm chính quyền ở Iraq. Cuộc chiến kéo dài đến năm 1988, cả hai bên đã dùng vũ khí thông thường nhưng rất hiện đại như tên lửa... do đó

cả hai bên đều thiệt hại nặng nề. Riêng tại Iran cuộc chiến tranh đã làm cho nạn thất nghiệp gia tăng, cuộc đấu tranh giành quyền lực trong nội bộ lại bùng phát. Trong hoàn cảnh đó ngày 3-6-1989 lãnh tụ cách mạng Hồi giáo Iran Giáo chủ Khomeini từ trần. Ngày hôm sau, 4-6-1989 ông Kameini được phong Giáo chủ. Ngày 28-7-1989 ông Hashemi Rafsantami nhậm chức tổng thống. Ông là người ôn hoà, thực dụng và hiện đại. Chính phủ của ông đã cho tự do nền kinh tế tư hữu, khuyến khích nước ngoài đầu tư vào Iran, tư hữu hoá nền công nghiệp, mềm mỏng hơn và xích gần các nước phương Tây. Ngày 27-9-1990 Iran thiết lập lại quan hệ ngoại giao với Anh.

Tuy nhiên, vào những năm cuối cùng của thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI quan hệ giữa Iran và các nước phương Tây lại căng thẳng do vấn đề hạt nhân của Iran. Iran có lập trường cứng rắn về chủ quyền quốc gia, quyền được sử dụng năng lượng hạt nhân vào mục đích dân sự. Nếu đúng như vậy thì quyền lợi của Iran là chính đáng. Nhưng các nước phương Tây lo ngại Iran sẽ dùng thành tựu hạt nhân để chế tạo đầu đạn hạt nhân, phục vụ cho mục đích quân sự. Tồn nhiều giấy mực và thời gian tranh cãi về Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ra những nghị quyết về vấn đề trừng phạt và giám sát chương trình hạt nhân của Iran. Ngày 21-10-2009 trong vòng đàm phán thứ 3 giữa các cường quốc với Iran đã đi đến một thoả thuận, theo đó Iran phải đưa Uranium của mình sang Nga để làm giàu sau đó đưa trở lại cho Iran sử dụng vào mục đích dân sự. Thoả thuận này đáp ứng được quyền sử dụng hạt nhân của Iran vào mục đích dân sự, đồng thời đáp ứng được sự giám sát của các cường quốc về chương trình hạt nhân của Iran. Nhưng cuối tháng 10-2009, Quốc hội Iran đã bác bỏ thoả thuận trên.

KẾT LUẬN

Iran là quốc gia có lịch sử lâu đời mà chủ nhân làm nên lịch sử là người Arya-Ba Tư thuộc ngữ hệ Ấn-Âu. Lịch sử Iran cũng tuân theo qui luật chung của lịch sử nhân loại, trải qua các thời kỳ cổ đại, trung đại, cận và hiện đại. Lịch sử hình thành quốc gia Iran cũng bị chi phối bởi đấu tranh giữa thống nhất và chia cắt, chia cắt chỉ là tạm thời, còn thống nhất là chủ yếu và là xu hướng chủ đạo để đến thời kỳ cận hiện đại hình thành một quốc gia thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ như ngày nay.

Tuy nhiên lịch sử cận hiện đại Iran bị chi phối bởi qui luật đặc thù của lịch sử châu Á, chế độ phong kiến tồn tại lâu dài, khủng hoảng và phân động, giam hãm đất nước trong vòng đói khổ và lạc hậu, cuối cùng bị chủ nghĩa tư bản phương Tây xâm lược, Iran bị biến thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến. Cách mạng Iran thời kỳ cận hiện đại có nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, bao hàm cách mạng tư sản và cách mạng giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới.

Về lịch sử thiết chế chính trị cũng là những bước phát triển cùng với tiến trình đi lên của lịch sử Iran. Từ nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền thời chiếm hữu nô lệ, thời phong kiến chuyển sang nền quân chủ lập hiến khi cách mạng tư sản bùng nổ nhưng kết quả không triệt để do sự can thiệp của nước ngoài và cuối cùng là nền Cộng hoà Hồi giáo khi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ hoàn thành một cách triệt để trong thời kỳ hiện đại vào năm 1979.

Đặc điểm lớn nhất trong cách mạng dân tộc dân chủ Iran là mang màu sắc tôn giáo. Các tầng lớp, giáo sĩ đạo Hồi là những người khởi

xướng và lãnh đạo cách mạng 1979. Tuy nhiên, thực chất của cách mạng là cách mạng dân tộc dân chủ. Cách mạng này có nguyên nhân và tiền đề kinh tế xã hội, tư tưởng được hình thành trong hoàn cảnh lịch sử cận hiện đại của Iran. Nó nằm trong xu thế chung của trào lưu cách mạng dân tộc dân chủ ở châu Á và châu Phi trong cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa.

Cách mạng và sự tồn tại của Cộng hoà Hồi giáo Iran có ý nghĩa và tác động mạnh mẽ đến khu vực Trung Đông và trên thế giới, nhất là xu hướng độc lập dân tộc, kiên quyết giữ vững chủ quyền quốc gia và danh dự dân tộc.

Tài liệu tham khảo

1. Các Mác và F. Ăng ghen. *Toàn tập, Tập 28*. NXB Sự Thật, H.
2. Từ sách Đại học Tổng hợp, *Giáo trình lịch sử thế giới cổ đại*, H, 1973.
3. Từ sách Đại học Tổng hợp. *Giáo trình lịch sử thế giới Trung đại*. H. 1973.
4. Từ sách Đại học Tổng hợp, *Giáo trình lịch sử thế giới Cận đại*. H, 1973.
5. Anmanách, *Những nền văn minh thế giới*. NXB Văn hoá Thông tin, H, 1999.
6. *Bách khoa Lịch sử thế giới*. NXB Văn hoá thông tin, H, 2004.
7. Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Hồng Bích, Nguyễn Văn Sơn, *Lịch sử Trung-Cận Đông*. NXB Giáo dục, H, 2004.
8. Cao Văn Liên, *Lịch sử 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới*. NXB Lao Động. H, 2007.
9. *Tạp chí Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông*, số 1-2009.